TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:20/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 19-8-2022
V/v " ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Ca và ông Nguyễn Văn Bạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phú- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc *" ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Khu dân cư số 5 T, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Bị đơn: Anh Đặng A, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu dân cư số 5 T, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương

(chị L, anh A, bà Chang đều có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-3-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Đặng A được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 10-9-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hoà thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Trong lúc nóng giận anh Đức Anh còn đập phá đồ đạc, đêm hôm hành hạ làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị. Cuộc sống vợ chồng căng thẳng, ngột ngạt không có hạnh phúc chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2021 đến nay. Trong thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở anh A cũng nhiều lần đến gặp chị để hoà giải nhưng chị không đồng ý. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn anh A.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đặng Thanh T, sinh ngày 17-7-2014 và Đặng Thu T2, sinh ngày 11-10-2018. Hiện nay cháu T đang ở cùng với anh A, cháu T2 đang ở cùng với chị. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Chị yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/ tháng/ cháu, thời gian kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị đang làm giáo viên trường mầm non Phả Lại, thu nhập hàng tháng ổn định là 5.000.000 đồng. Sau khi ly hôn chị được bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở cũng như việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị không đồng ý giao cả hai cháu cho anh A nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Đặng A trình bày: Anh và chị L được tự nguyện tìm hiểu, có đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 10-9-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Bản thân anh thường xuyên đi làm xa nhà, chị L lại lạnh nhạt về tình cảm nên hai bên xảy ra cãi nhau. Trong lúc mâu thuẫn anh không kiềm chế được cảm xúc nên đã to tiếng, chửi bới và có lần cầm dao doạ dẫm chị. Mặc dù cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh nhận thấy chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, không đến mức phải ly hôn. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Nhiều lần anh đến gặp gỡ chị để hoà giải động viên vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị không nghe. Nay anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị L. Anh không mong muốn vợ chồng ly hôn làm ảnh hưởng đến con cái. Vì anh đã là nạn nhân của cuộc hôn nhân của bố mẹ anh. Anh không muốn các con anh là nạn nhân tiếp theo. Chị L xin ly hôn anh không đồng ý. Anh mong muốn chị suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị L vẫn kiên quyết ly hôn thì đó là quyền

của chị L, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đặng Thanh T, sinh ngày 17-7-2014 và Đặng Thu T2, sinh ngày 11-10-2018. Hiện nay cháu T đang ở cùng với anh, cháu T2 đang ở cùng với chị L. Nếu vợ chồng ly hôn anh mong muốn được nuôi cả hai cháu và tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con bao nhiêu thì anh cũng đồng ý. Hiện nay anh làm công nhân bảo vệ tại Công ty dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền bắc – Chi nhánh Hạ Long, Quảng Ninh. Công việc làm 1 tuần, nghỉ 1 tuần, thời gian làm việc theo ca. Tuần nào được nghỉ thì sẽ về nhà. Thu nhập hàng tháng ổn định là 6.000.000 đồng/ tháng. Hiện nay anh đang ở cùng với bố mẹ đẻ, sau khi ly hôn anh được bố mẹ hỗ trợ về chỗ ở và giúp đỡ chăm sóc nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L và anh A vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án và không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L và anh A đã kéo dài trình trạng mâu thuẫn từ lâu. Vợ chồng không còn hạnh phúc,hai bên không còn tiếng nói chung để xây dựng gia đình. Mặt khác tính tình anh A đôi khi không kiềm chế được cảm xúc nên việc giao con cho anh nuôi dưỡng giáo dục sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như tính cách của các con. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận xử cho chị L được ly hôn anh A và giao cả hai con cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/ cháu. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giả quyết.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết

326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đặng A.

Về con chung: Giao con chung là Đặng Thanh T, sinh ngày 17-7-2014 cho anh Đặng A được tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung là Đặng Thu T2, sinh ngày 11-10-2018 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng : Chị Nguyễn Thị L yêu cầu xin ly hôn anh Đặng A. Anh A có đăng kí hộ khẩu thường trú tại Khu dân cư số 5, Thạch Thuỷ, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại Điều 28; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng A được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 10-9-2013 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị L và anh Đặng A cùng xác định vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Mặc dù anh A mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng thực tế đã nhiều lần anh hoà giải động viên chị L nhưng chị không đồng ý. Mặt khác xác minh tại gia đình hai bên cũng xác định vợ chồng anh chị đã sống ly thân, gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị L xử cho chị được ly hôn anh A là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đặng Thanh T, sinh ngày 17-7-2014 và Đặng Thu T2, sinh ngày 11-10-2018. Hiện nay cháu T đang ở cùng với bố, cháu T2đang ở cùng với mẹ. Khi ly hôn nguyện vọng của anh A và

chị L cùng muốn nuôi cả hai con. Xét nguyện vọng của các bên về nuôi con là hoàn toàn chính đáng. Điều kiện nuôi con của hai bên là ngang nhau, nếu giao cả hai cháu cho một bên nuôi dưỡng thì khó đảm bảo được việc chăm sóc cũng như điều kiện sinh hoạt, học tập. Mặc dù cháu T có nguyện vọng ở với mẹ nhưng để ổn định cuộc sống cho các cháu, cũng là đảm bảo được việc chăm sóc giáo dục tốt nhất cho các con nên giao cho mỗi người nuôi một cháu. Giao chung là Đặng Thanh T, sinh ngày 17-7-2014 cho anh Đặng A được tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung là Đặng Thu T2, sinh ngày 11-10-2018 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con thời gian kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị L có yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ cháu/ tháng. Tuy nhiên do giao mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh A cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy không đăt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đặng A.

2.Về con chung: Giao con chung là Đặng Thanh T, sinh ngày 17-7-2014 cho anh Đặng A được tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung là Đặng Thu T2, sinh ngày 11-10-2018 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị L và anh A có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0002960 ngày 5-4-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Chí Linh;
- Đương sự;
- UBND xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt